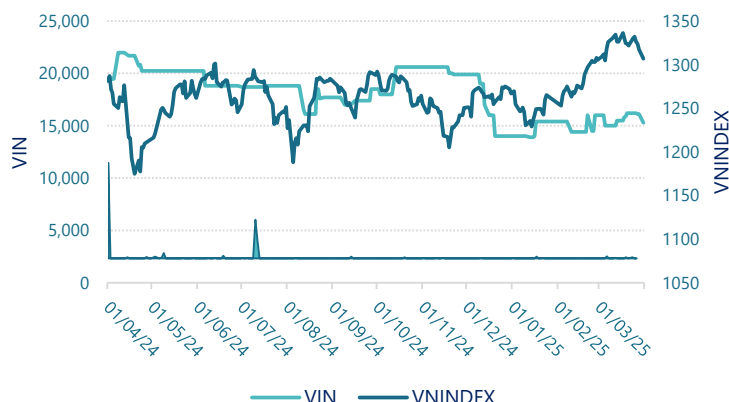


CTCP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam (UPCOM: VIN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/03/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	15,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,982
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,900
SL cổ phiếu LH	25,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,260
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	390
P/E	21.4
EPS	714

DT thuần

Q1/25

71.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.50 | -4.6%

YoY: ▲43.4 | 152%

LN sau thuế

Q1/25

-1.32

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.82 | -116%

YoY: ▼11.0 | -114%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

18.0%

+/- YoY: ▼13.3%

DT thuần

2024

166

tỷ VNĐ

YoY: ▲24.0 | 16.3%

LN sau thuế

2024

29.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0 | -32.4%

ROE

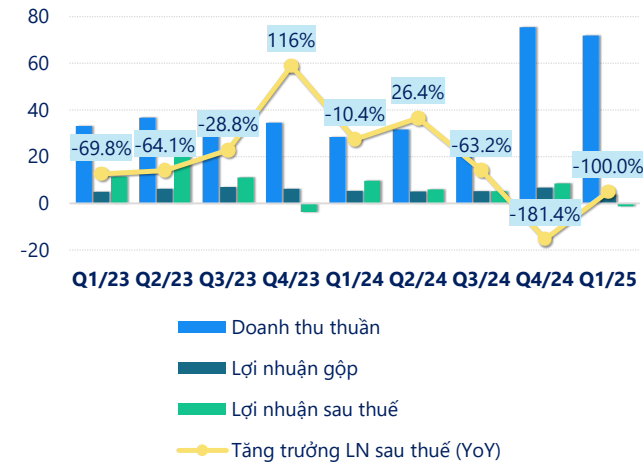
2024

5.2%

+/- YoY: ▼2.6%

tỷ VNĐ

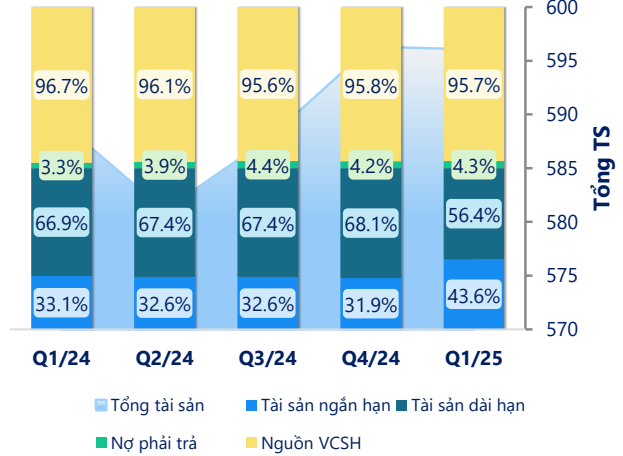
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

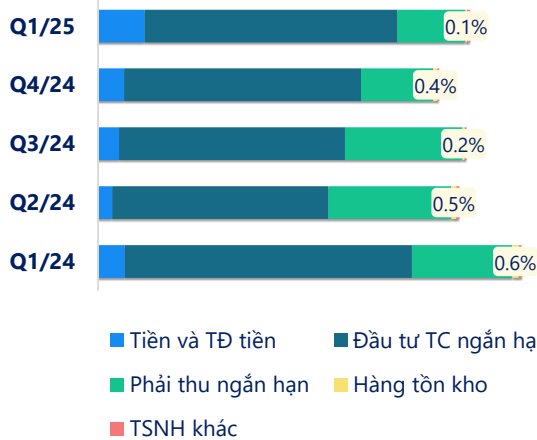
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



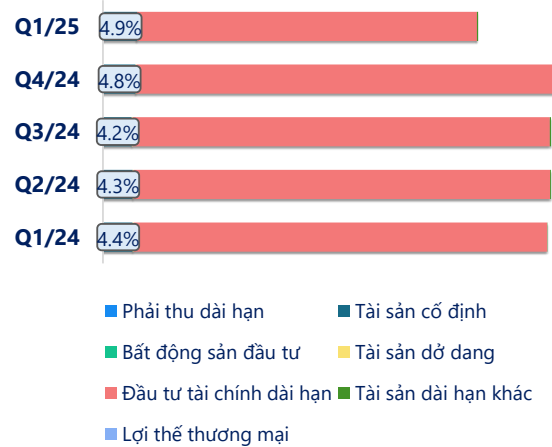
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

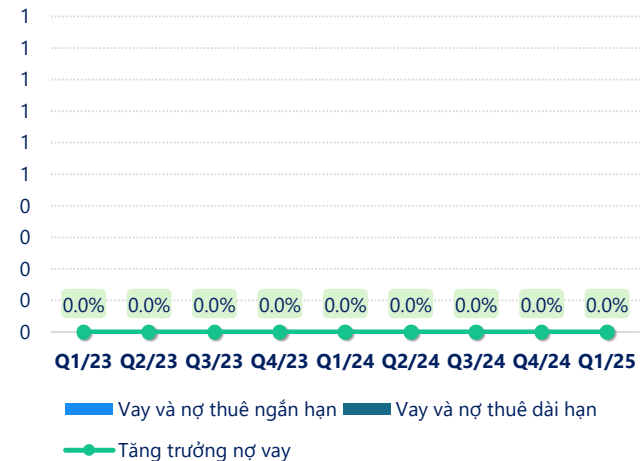
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

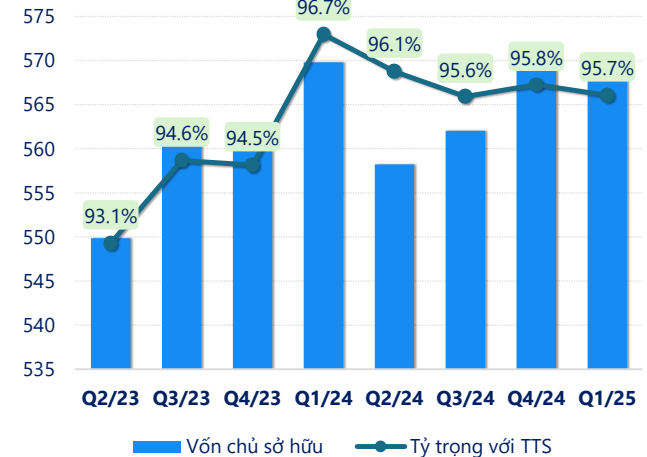
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

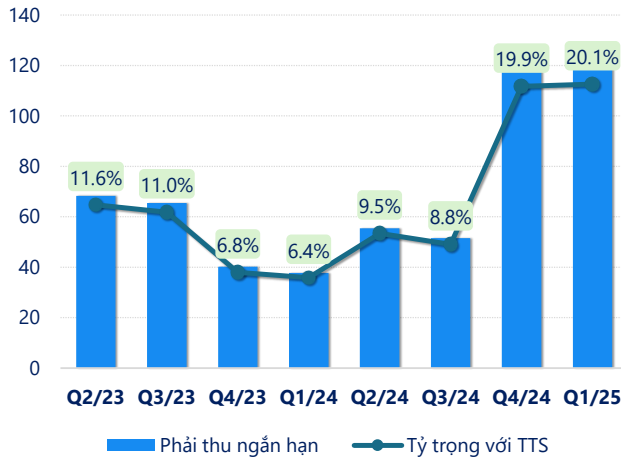
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



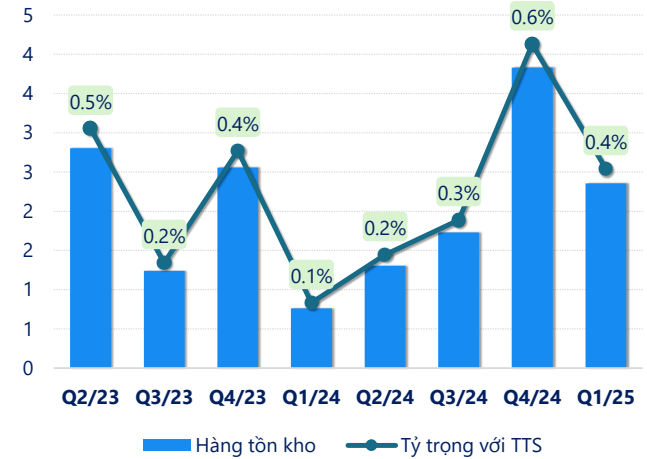
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


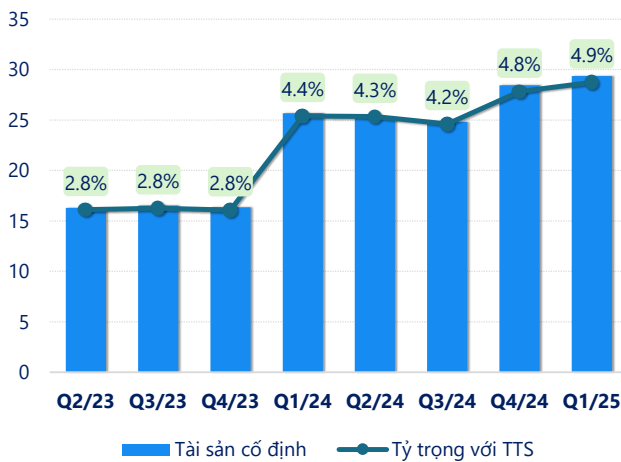
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


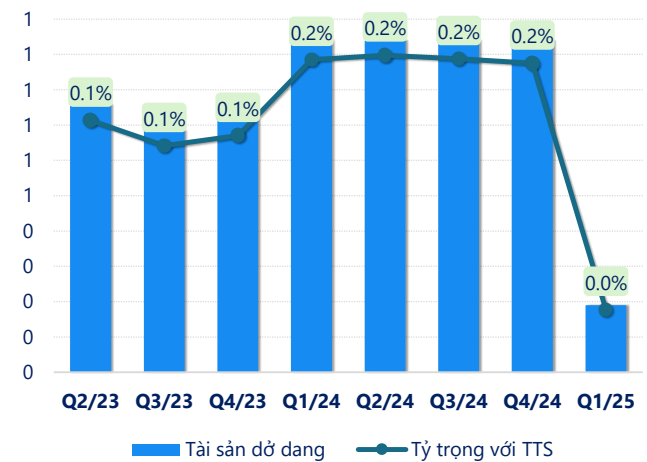
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

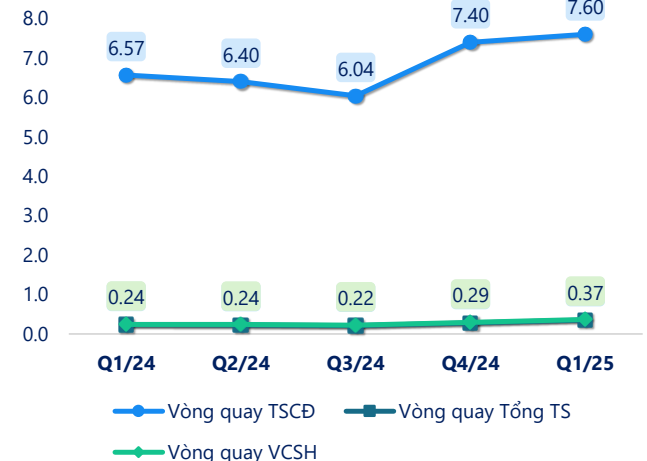
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	589	581	588	596	596
Tài sản ngắn hạn	195	189	191	190	260
Tiền và tương đương tiền	14.7	7.71	11.7	14.6	26.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	140	123	125	51.0	108
Phải thu ngắn hạn	37.7	55.5	51.5	119	120
Hàng tồn kho	0.76	1.30	1.73	3.83	2.35
Tài sản ngắn hạn khác	1.85	1.88	1.53	1.82	3.38
Tài sản dài hạn	394	392	396	406	336
Phải thu dài hạn	0.69	0.72	0.72	0.72	1.14
Tài sản cố định	25.7	25.2	24.8	28.4	29.4
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.94	0.94	0.94	0.94	0.19
Đầu tư tài chính dài hạn	366	364	369	375	305
Tài sản dài hạn khác	0.46	0.84	1.22	1.29	0.93
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	19.5	22.9	25.6	24.8	25.9
Nợ ngắn hạn	18.2	21.4	24.3	23.3	24.9
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	4.87	9.25	10.8	10.2	8.06
Nợ dài hạn	1.22	1.45	1.36	1.48	1.02
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	570	558	562	572	570
Vốn chủ sở hữu	570	558	562	572	570
Vốn điều lệ	255	255	255	255	255
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)